



Member of ILAC/APLAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀN - NDT

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Laboratory:

QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 3 (QUATEST 3)
NDT & WELDING LABORATORY

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

Địa điểm PTN/ Lab location:

Lô 5, Đường K1, Khu CN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

NDT

NDT

Mã số

Accreditation No

VILAS 004

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)



VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 04/10/2019 (Annex of decision: 722.2019/QĐ-VPCNCL date 04/10/2019)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 09/08/2021

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 28/08/1997

Số: 722.2019/ QĐ-VPCNCL

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phòng thí nghiệm

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tổ chức và hoạt động của Tổ chức công nhận;
- Căn cứ Quyết định số 2058/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Văn phòng Công nhận Chất lượng;
- Theo đề nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá và Ban thẩm xét.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận Phòng thí nghiệm:

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 (QUATEST 3)
PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀN - NDT

Phù hợp theo ISO/IEC17025:2017 với danh mục các phép thử kèm theo Quyết định này

Điều 2: Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VILAS 004**.

Điều 3: Phòng thí nghiệm được công nhận ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định hiện hành.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực đến ngày 09 tháng 08 năm 2021 và Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 5: Quyết định này thay thế Quyết định số 391.2018/ QĐ-VPCNCL ngày 17 tháng 8 năm 2018. *zk*

Nơi nhận:

- Cơ sở được đánh giá;
- HS đánh giá;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN THỦY



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số 722.2019/QĐ - VPCNCL ngày 04 tháng 10 năm 2019
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST 3)**
Phòng thử nghiệm Hàn - NDT

Laboratory: **Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)**
NDT & Welding Laboratory

Cơ quan chủ quản: **Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

Organization: **Directorate for Standards, Metrology and Quality**

Lĩnh vực thử nghiệm: **NDT**

Field of testing: **NDT**

Người phụ trách/ Representative: **Trương Thanh Sơn**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Trương Thanh Sơn	Các phép thử được công nhận của Phòng thử nghiệm Hàn - NDT/ All accredited tests of NDT & Welding Laboratory
2.	Lương Thanh Uyên	
3.	Mai Văn Sùng	
4.	Phan Minh Phụng	
5.	Lê Tiến Hào	

Số hiệu/ Code: **VILAS 004**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **09/8/2021**

Địa chỉ/ Address: **Số 7, Đường số 1, Khu CN Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**

Địa điểm/Location: **Lô 5, Đường K1, Khu Công nghiệp Cát lái, Quận 2, TP. HCM**

Điện thoại/ Tel: **251 383 6212**

Fax: **251 383 6212**

Email: **qt-qatesting@quatest3.com.vn**

Website: **www.quatest3.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 004

Lĩnh vực thử nghiệm: NDT

Field of testing: NDT

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Mối hàn <i>Weld joints</i>	Kiểm tra ngoại quan <i>Visual examination</i>	-	ASME V:2017 AWS B11.1:2015 BS EN ISO 17637:2016 AS 3978:2003 TCVN 7507:2016
2.		Thử nghiệm bột từ <i>Magnetic particle testing</i>	-	ASTM E 709-15 ASME V:2017 BS EN ISO 17638:2016 AS 1171:1998 TCVN 11759:2016
3.		Thử nghiệm siêu âm <i>Ultrasonic testing</i>	-	AWS D1.1:2015 AWS D1.5:2015 AWS D1.6:2007 ASME V:2017 BS EN ISO 17640:2017 AS 2207:2007 TCVN 6735:2000 JIS G 0584:2014 JIS Z 3060:2015
4.		Thử nghiệm thẩm thấu chất lỏng <i>Liquid penetrant testing</i>	-	ASTM E 165-12 ASME V 2017 BS EN ISO 3452-1:2013 AS 2062:1997 TCVN 4617:1988

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 004

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.		Thử nghiệm chụp ảnh bức xạ <i>Radiographic testing</i>	-	AWS D1.1:2015 AWS D1.5:2015 AWS D1.6:2007 ASME V:2017 BS EN ISO 17636- 1:2013 JIS Z 3104:1995 TCVN 11758-1:2016 AS 2177:2006 ASTM E 94:2010
6.	Vật liệu kim loại <i>Metal materials</i>	Thử nghiệm siêu âm vật liệu <i>Ultrasonic examination for metal materials</i>	-	ASME V:2017 ASTM A 388-15 ASTM A 435-17
7.		Đo chiều dày vật liệu bằng phương pháp siêu âm <i>Measuring Thickness by Manual Ultrasonic</i>	(1,0 ~ 200) mm	ASTM E 797-15 ISO 16809:2012
8.	Lớp phủ <i>Coating</i>	Đo chiều dày lớp phủ trên vật liệu có từ - phương pháp từ <i>Coating thickness measurement by magnetic method</i>	(25 ~ 1000) μ m	ASTM E 376-17 TCVN 5408:2007 TCVN 5878:2007 BS EN ISO 2178:2016
9.		Đo chiều dày lớp phủ trên vật liệu không từ - phương pháp dòng điện xoáy <i>Coating thickness measurement by eddy current method</i>	(25 ~ 1000) μ m	ASTM E 376-17
10.		Thử độ bám dính <i>Adhesion test</i>	-	TCVN 4392:1986 (phương pháp khắc vạch) TCVN 2097:1993 ASTM D4541-17 ISO 4624:2016
11.	Thiết bị chịu áp <i>Pressure equipment</i>	Thử nghiệm khả năng chịu áp suất thủy tĩnh, Thử kín <i>Pressure test, Leak test</i>	-	QTTN/KT3 121:2018
12.	Thiết bị chịu tải <i>Loading equipment</i>	Thử nghiệm khả năng chịu tải <i>Loading test</i>	-	QTTN/KT3 122:2018

Ghi chú/ Note:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 004

ASTM: American Society for Testing and Materials

BS EN: British Standard European Norm

AS : Australia Standards

JIS : Japanese Industrial Standards

ASME :The American Society of Mechanical Engineers

AWS : American Welding Society

QTTN/KT3 :Phương pháp do phòng thí nghiệm tự xây dựng / *Laboratory developed method*